

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/CBTT.NSS

Đồng Nai, ngày 02 tháng 06 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1 Tên Công ty: Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Mã chứng khoán: NSS

Địa chỉ: 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3899790

Fax: (0251) 3899102

Email: dolicomail@dolicovn.com

Website: <https://dolicovn.com>

2. Nội dung thông tin công bố:


Biên bản thanh tra của Đoàn Thanh tra Bộ Tài Chính theo quyết định số 56/QĐ-TTr ngày 31/03/2022 tại Cty CP Nông súc sản Đồng Nai.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/06/2022 tại đường dẫn: <https://dolicovn.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên.

* Tài liệu đính kèm:

- Biên bản thanh tra

Đại diện tổ chức 
Người Đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN DIÊN TƯỜNG

CÔNG TY CP NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI	
CÔNG	Số: 42
VĂN	Chuyển:
ĐẾN	Ngày: 02/6/2022

BIÊN BẢN THANH TRA
Tại Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 56/QĐ-TTr ngày 31/3/2022 của Chánh Thanh tra Bộ Tài chính về thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán và thuế tại Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH và các doanh nghiệp có vốn góp đầu tư từ Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai (là Công ty con của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH), từ ngày 13/4/2022 đến ngày 22/4/2022 và từ ngày 12/5/2022 đến ngày 13/5/2022. Nội dung thanh tra:

- Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại doanh nghiệp;
- Việc hạch toán doanh thu, chi phí và báo cáo kết quả kinh doanh;
- Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước;
- Việc chấp hành các qui định của pháp luật về tài chính, kế toán, chứng khoán.

Thời kỳ thanh tra năm 2021 và các thời kỳ có liên quan đến thời kỳ thanh tra.

Hôm nay, ngày 30/5/2022 tại Văn phòng Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai (địa chỉ: số 238 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai), Đoàn thanh tra và Ban lãnh đạo Công ty họp thông qua Biên bản thanh tra, thành phần tham dự gồm:

1. Đại diện Thanh tra Bộ Tài chính

Ông Vũ Hồng Hải - Phó Chánh thanh tra.

2. Đại diện Đoàn thanh tra

Ông Lê Hồng Châu - Phó Trưởng phòng - Trưởng đoàn thanh tra;

Ông Nguyễn Văn Phấn - Thanh tra viên chính, Thành viên;

Ông Hoàng Xuân Toàn - Thanh tra viên chính, Thành viên.

3. Đại diện Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - MTV công ty TNHH:

Ông Trần Hữu Đức - Kế toán trưởng.

4. Đại diện Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai:

Ông Nguyễn Diên Tường - Giám đốc;

Ông Trần Minh Phương - Phó Giám đốc;

Ông Đinh Ngọc Mến - Kế toán trưởng;

Ông Hoàng Ngọc Long - Trưởng Ban kiểm soát.

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai (sau đây viết tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty chăn nuôi Đồng Nai được thành lập ngày 17/02/1978. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 761/QĐ-CT-UBT ngày 04/02/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600267730 (lần đầu ngày 29/8/2005, đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 13/6/2019) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai. Mã số thuế Công ty: 3600267730 (Cục Thuế tỉnh Đồng Nai quản lý).

Địa chỉ trụ sở: số 238 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Chăn nuôi gia súc.

Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo; Chăn nuôi gia cầm; Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi; Buôn bán gia súc; Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt; Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt; Sản xuất thức ăn gia súc; Chế biến rau, củ quả; Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt; Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi; Xây dựng địa ốc; Xây dựng cơ sở hạ tầng; Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho; Buôn bán xe ô tô; Vận tải hàng hóa; Trồng rừng và chăm sóc rừng.

Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán (Mã chứng khoán NSS) số 82/2018/GCNCP-VSD ngày 01/10/2018 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCom.

Công ty là Công ty con của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH (sau đây viết tắt là “Tổng công ty”). Tổng công ty góp 86.541.420.000 đồng vào Công ty, chiếm 84,32% vốn điều lệ.

Cơ cấu quản lý và điều hành của Công ty, gồm: Hội đồng quản trị (05 người); Ban kiểm soát (03 người); Ban Giám đốc (02 người: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); có 02 phòng nghiệp vụ (Phòng Kế toán, Phòng Kinh doanh tổng hợp). Công ty có 03 trại chăn nuôi heo và 01 xưởng chế biến thức ăn gia súc hạch toán phụ thuộc.

Tổng số nhân viên đến 31/12/2021 là 126 người.

Trang thông tin điện tử: <http://www.dolicovn.com>

2. Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ NSNN

Theo Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC phát hành ngày 29/3/2022, một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

đnan

2.1. Tổng nguồn vốn và tổng tài sản

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021
I	Tổng nguồn vốn	257.574.450.150
1	Vốn chủ sở hữu	225.019.713.038
	<i>Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>102.639.420.000</i>
2	Nợ phải trả	32.554.737.112
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>32.554.737.112</i>
II	Tổng tài sản	257.574.450.150
1	Tài sản ngắn hạn	192.176.060.698
2	Tài sản dài hạn	65.398.389.452

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	319.563.982.849
2	Tổng chi phí	248.288.597.984
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	71.275.384.865
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60.244.770.438

2.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Năm 2021
1	Số phải nộp đầu kỳ	4.638.388.451
2	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	18.148.571.337
3	Số đã nộp trong kỳ	20.655.976.743
4	Số còn phải nộp cuối kỳ	2.130.983.045

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

1. Việc xây dựng, ban hành Điều lệ, các quy chế quản lý, các tiêu chuẩn, định mức

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/8/2005 và được sửa đổi, bổ sung tại các kỳ đại hội cổ đông ngày 31/3/2008, ngày 22/4/2010, ngày 28/4/2016 và ngày 08/6/2021.

- Công ty đã xây dựng và ban hành các quy chế quản lý nội bộ, gồm: Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế tiền lương, tiền thưởng; Quy chế quản lý nợ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thi đua - khen thưởng; Quy chế công bố thông tin,...

Phan

- Công ty đã xây dựng các tiêu chuẩn, định mức sản xuất như: Quy trình chăn nuôi; Tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu sản xuất sử dụng; Định mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư sử dụng; Định mức hao hụt nguyên liệu dự trữ sản xuất thức ăn gia súc.

2. Tình hình thực hiện pháp luật về kế toán, thống kê, kiểm toán

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016).

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, ngày kiểm toán phát hành 29/3/2022.

- Công ty đã lập và gửi Báo cáo tài chính 06 tháng và Báo cáo tài chính năm 2021 đến các cơ quan: Cục Thuế tỉnh Đồng Nai; Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và công bố trên trang Web của Công ty.

- Ngày 12/4/2022 các cá nhân đại diện vốn nhà nước tại Công ty đã lập báo cáo giám sát tài chính của Doanh nghiệp năm 2021 của người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính.

3. Tình hình chấp hành pháp luật về công bố thông tin; chấp hành pháp luật về chứng khoán

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán như Công ty đã mở Website để công bố thông tin của doanh nghiệp, cử người đại diện để công bố thông tin định kỳ và bất thường.

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông năm 2021 vào ngày 08/6/2021 và thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định (cổ đông đã đăng ký lưu ký được Công ty thanh toán cổ tức bằng chuyển khoản thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán; cổ đông chưa lưu ký được thanh toán chuyển khoản hoặc nhận tiền mặt tại Công ty). Năm 2022, Công ty dự kiến tổ chức đại hội cổ đông thường niên vào tháng 6 năm 2022.

Công ty thực hiện công bố các thông tin về: Báo cáo tài chính; Báo cáo tình hình quản trị; Báo cáo họp đại hội đồng cổ đông, thông báo ngày đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức... Các nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các nội dung về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, lựa chọn đơn vị kiểm toán, thay đổi nhân sự; tài liệu đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, biên bản Đại hội đồng cổ đông... Các thông tin được công bố đúng thời gian quy định cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ <https://dolicovn.com>

II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN TẠI CÔNG TY

1. Tình hình quản lý và huy động vốn

1.1. Quản lý vốn chủ sở hữu

- Vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 225.019.713.038 đồng, trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu 102.639.420.000 đồng; Quỹ đầu tư phát triển 61.733.522.600 đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 60.016.770.438 đồng; Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ 630.000.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2021, vốn chủ sở hữu đã góp bằng 100% số vốn điều lệ đăng ký với số tiền 102.639.420.000 đồng. Trong đó, vốn góp của Tổng công ty là 86.541.420.000 đồng, chiếm 84,32% vốn điều lệ.

- Về phân phối lợi nhuận năm 2020: Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 136.827.106.419 đồng; Chi thù lao HĐQT và BKS 160.000.000 đồng. Lợi nhuận sau thuế còn lại 136.667.106.419 đồng được phân phối các quỹ và chia cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết số 01 ngày 08/6/2021 như sau:

- + Trích Quỹ đầu tư phát triển 7.078.587 đồng;
- + Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 9.431.826.000 đồng;
- + Trích quỹ thưởng ban điều hành 1.022.771.000 đồng;
- + Lợi nhuận còn lại 126.205.430.832 đồng.

Đại hội cổ đông đã thống nhất dùng tất cả lợi nhuận còn lại 126.205.430.832 đồng để chia cổ tức. Trong đó: Cổ tức đã tạm ứng trong năm 2020 (NQ số 02 ngày 27/11/2020, tỷ lệ 40% mệnh giá) là 41.055.768.000 đồng; Chia cổ tức trong năm 2021 phần còn lại 85.149.662.832 đồng (126.205.430.832 đồng - 41.055.768.000 đồng).

Tổng công ty được chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020 với số tiền 106.411.330.032 đồng (tạm ứng năm 2020 số tiền 34.616.568.000 đồng và chia trong năm 2021 số tiền 71.794.762.032 đồng). Công ty đã chuyển đủ số tiền chia cổ tức vào tài khoản của Tổng công ty theo thời gian quy định.

- Về phân phối lợi nhuận năm 2021: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã được kiểm toán là 60.016.770.438 đồng.

Đến thời điểm thanh tra, Công ty chưa tổ chức Đại hội đồng cổ đông, chưa phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2021.

1.2. Quản lý nợ phải trả

Nợ phải trả theo Báo cáo tài chính của Công ty tại 31/12/2021 là 32.554.737.112 đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021
I	Nợ phải trả ngắn hạn	32.554.737.112
1	Phải trả người bán	2.454.105.001
2	Người mua trả tiền trước	358.789.480
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.130.983.045
4	Phải trả người lao động	10.341.065.599

Đào

5	Phải trả ngắn hạn khác	6.010.271.158
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.259.522.829
II	Nợ phải trả dài hạn	0
	Cộng (I+II)	32.554.737.112

Trong tổng Nợ phải trả, tất cả số nợ là Nợ ngắn hạn, Nợ dài hạn không phát sinh và không có số dư. Trong tổng nợ ngắn hạn 32.554.737.112 đồng, gồm các khoản chính:

- Phải trả người bán số tiền 2.454.105.001 đồng là khoản phải trả các đơn vị cung cấp thức ăn gia súc (Công ty Thức ăn chăn nuôi Rico Đồng Nai 1.064.256.000 đồng, Công ty Mai Đô 795.648.000 đồng, Công ty Việt Pháp 451.568.000 đồng) và các đối tượng khác 142.633.001 đồng. Các khoản phải trả này đều trong thời hạn thanh toán, Công ty có khả năng trả nợ và được thanh toán khi đến hạn thanh toán trong tháng 1 năm 2022.

- Người mua trả tiền trước số tiền 358.789.480 đồng: là khoản ứng trước tiền mua heo thịt của ông Đồng Văn Đoàn 327.064.195 đồng và đối tượng khác 31.725.285 đồng. Các khoản này đã được khấu trừ khi các đơn vị mua hàng trong tháng 1 năm 2022.

- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước số tiền 2.130.983.045 đồng, gồm: Thuế thu nhập doanh nghiệp 2.030.614.427 đồng và Thuế thu nhập cá nhân 100.368.618 đồng. Các khoản phải nộp này Công ty đã thực hiện nộp theo thời hạn quy định về thuế trong tháng 1 và tháng 3 năm 2022.

- Phải trả người lao động số tiền 10.341.065.599 đồng, gồm: Quỹ tiền lương năm 2021 còn lại đến 31/12/2021 số tiền 8.388.012.018 đồng, đến ngày 31/3/2022, Công ty đã thực hiện chi số tiền nêu trên; Quỹ dự phòng tiền lương Công ty thực hiện trích vào chi phí số tiền 1.953.053.581 đồng, trong tháng 5/2022, Công ty đã thực hiện chi hết cho người lao động.

- Phải trả ngắn hạn khác số tiền 6.010.271.158 đồng, trong đó: khoản nộp NSNN 5.885.731.093 đồng (khoản chênh lệch thu cho thuê lại mặt bằng các cơ sở nhà, đất Công ty được Nhà nước cho thuê đến khi kết thúc cho thuê vào tháng 4 năm 2020); phải trả Kinh phí công đoàn đến 31/12/2021 là 67.721.070 đồng và khoản phải trả, phải nộp khác 56.818.995 đồng.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Số dư đầu năm 6.981.752.964 đồng; Sử dụng quỹ cho công tác khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên Công ty trong năm 6.178.327.135 đồng; Trích quỹ trong năm theo Nghị quyết Đại hội cổ đông 10.456.097.000 đồng (Quỹ khen thưởng 4.717.413.000 đồng, Quỹ phúc lợi 4.715.913.000 đồng; Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành 1.022.771.000 đồng); Số dư cuối năm 11.259.522.829 đồng.

1.3. Đánh giá hệ số trả nợ

Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 0,095 lần $[(32.554.737.112 \text{ đồng} - 11.259.522.829 \text{ đồng}) / (225.019.713.038 \text{ đồng} - 630.000.000 \text{ đồng})]$.

phan

Vận dụng quy định tại khoản 2, Điều 10, Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định: “Doanh nghiệp phải đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không vượt quá 3 lần theo quy định của Chính phủ về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”, Công ty có hệ số nợ phải trả 0,095 lần, đáp ứng hệ số trả nợ.

2. Tình hình quản lý và sử dụng tài sản

2.1. Quản lý tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình theo Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, theo bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
1. Tại 01/01/2021	125.058.965.986	72.190.388.964	52.868.577.022
- TSCĐ hữu hình	110.039.709.719	68.850.943.352	41.188.766.367
- TSCĐ vô hình	15.019.256.267	3.339.445.612	11.679.810.655
- Tài sản BĐS	0	0	0
2. Tăng trong năm	72.900.000	9.096.822.885	
- TSCĐ hữu hình	72.900.000	8.416.481.858	
- TSCĐ vô hình	0	680.341.027	
- Tài sản BĐS	0	0	
3. Giảm trong năm	0	0	
- TSCĐ hữu hình	0	0	
- TSCĐ vô hình	0	0	
- Tài sản BĐS	0	0	
4. Tại 31/12/2021	125.131.865.986	81.287.211.849	43.844.654.137
- TSCĐ hữu hình	110.112.609.719	77.267.425.210	32.845.184.509
- TSCĐ vô hình	15.019.256.267	4.019.786.639	10.999.469.628
- Tài sản BĐS	0	0	0

Theo báo cáo của Công ty, số tăng giá trị tài sản mua sắm trong năm 72.900.000 đồng là khoản mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Giá trị hao mòn tài sản cố định trong năm xác định là 9.096.822.885 đồng, gồm: Hao mòn tài sản cố định hữu hình là nhà xưởng, chuồng trại chăn nuôi máy móc thiết bị, phương tiện vận tải... phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong năm; Hao mòn tài sản cố định vô hình là khoản phân bổ giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn do Công ty nhận chuyển nhượng của người dân và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm 31/12/2021 Công ty có thực hiện kiểm kê tài sản cố định và thực hiện quản lý, hạch toán tăng, giảm tài sản cố định; trích khấu hao tài sản cố định trong năm theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Handwritten signature

2.2. Đầu tư tài chính dài hạn

Theo báo cáo của Công ty, khoản đầu tư tài chính tại thời điểm 31/12/2021 số tiền 1.030.000.000 đồng, là khoản mua cổ phần của Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (công ty thành viên của Tổng công ty) số lượng 100.000 cổ phần từ ngày 01/3/2010 (Mã cổ phiếu DOC, tổng mệnh giá 1.000.000.000 đồng, chi phí mua 30.000.000 đồng). Cổ tức lũy kế từ khi đầu tư đến 31/12/2021 là 517.000.000 đồng, trong đó: Cổ tức từ kết quả kinh doanh năm 2020 được chia trong năm 2021 là 30.000.000 đồng. Thị giá cổ phiếu DOC cuối ngày 31/12/2021 là 10.200 đồng/CP.

2.3. Quản lý các khoản phải thu

Nợ phải thu theo Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) của Công ty tại 31/12/2021 là 3.619.988.231 đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.619.988.231
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	180.000.000
2	Trả trước cho người bán	85.000.000
3	Phải thu ngắn hạn khác	3.444.988.231
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(90.000.000)
II	Phải thu dài hạn	0
	Cộng I+II	3.619.988.231

Số dư 3.619.988.231 đồng, tất cả là khoản phải thu ngắn hạn, gồm: Số phải thu trong hạn thanh toán là 1.224.517.457 đồng, chiếm 34% tổng khoản phải thu; Số phải thu quá hạn thanh toán số tiền 2.395.470.774 đồng, chiếm 66% tổng khoản phải thu và chiếm 0,01% vốn chủ sở hữu (trong đó Công ty hạch toán khoản phải thu của các cổ đông đối với số truy thu tiền thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2018 là 2.215.470.774 đồng). Chi tiết:

- *Phải thu khách hàng*: Số dư tại 31/12/2021 là 180.000.000 đồng (số dư đầu năm 188.492.500 đồng): Đây là khoản nợ của Công ty TNHH TMDV Túc Hưng phát sinh từ tháng 3/2020 (do chủ doanh nghiệp đột ngột qua đời). Công ty có đối chiếu xác nhận nợ cuối năm với khách hàng và theo dõi chi tiết trên sổ sách kế toán. Công ty đã trích dự phòng khoản nợ phải thu này đến 31/12/2021 số tiền 90.000.000 đồng.

- *Trả trước cho người bán*: số dư tại 31/12/2021 là 85.000.000 đồng, gồm:

(1) Khoản trả trước tiền mua đá làm đường trong trại heo Xuân Thành 55.000.000 đồng, đã được thanh toán bù trừ bằng khối lượng hàng hóa đơn vị cung cấp trong tháng 01/2022.

(2) Khoản chi thủ tục lập hồ sơ dự án Khu dân cư Dolico (Áp 5 xã Thạnh Phú) năm 2019 số tiền 30.000.000 đồng, đến nay dự án dừng thực hiện và Công

ty đã đề nghị trả lại đất cho Nhà nước; Công ty đang thoả thuận với đơn vị Tư vấn để thu hồi khoản tạm ứng nêu trên.

- Các khoản phải thu khác: số dư tại thời điểm 31/12/2021 là 3.444.988.231 đồng, trong đó: Lãi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng tạm tính đến 31/12/2021 là 983.105.204 đồng; Phải thu về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là 133.943.635 đồng; Khoản phải nộp NSNN về chênh lệch thu cho thuê lại đất của Nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm tài chính 2018 là 2.215.470.774 đồng; Khoản phải thu khác 112.468.618 đồng. Trong đó:

+ Khoản hạch toán phải thu từ cổ đông năm 2018 số tiền 2.215.470.774 đồng, nguyên nhân phát sinh theo báo cáo của Công ty:

Năm 2019 Kiểm toán Nhà nước kiểm tra tại Công ty và tạm tính khoản chênh lệch cho thuê lại nhà, đất Công ty được Nhà nước cho thuê từ 01/01/2018 đến 30/9/2019 số tiền 4.506.952.769 đồng (gồm năm 2018 số tiền 2.215.470.774 đồng và 9 tháng năm 2019 số tiền 2.291.481.995 đồng).

Do năm tài chính 2018 đã qua, Công ty đã phân phối hết lợi nhuận còn lại theo Nghị quyết và chi trả cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông tổ chức trong năm 2019 nên không còn nguồn thực hiện nộp NSNN, Công ty hạch toán khoản phải thu của các cổ đông để có nguồn nộp NSNN đối với khoản phải nộp phát sinh cho năm 2018 số tiền 2.215.470.774 đồng.

Đối với khoản phát sinh 9 tháng năm 2019 số tiền 2.291.481.995 đồng và khoản thu phát sinh sau thời gian Kiểm toán, khi thu tiền cho thuê Công ty đã hạch toán tăng số phải nộp NSNN và bảo đảm nguồn để nộp vào NSNN.

+ Lãi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng tạm tính đến 31/12/2021 là 983.105.204 đồng: là khoản lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại các ngân hàng. Tổng số dư tiền gửi đến 31/12/2021 là 123 tỉ đồng, gồm khóa tiền gửi kỳ hạn 6 tháng 114 tỉ đồng và kỳ hạn 1-3 tháng là 9 tỉ đồng.

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: Số dư dự phòng phải thu ngắn phát sinh năm 2021 là 90.000.000 đồng, là khoản trích lập dự phòng đối với khoản phải thu 180.000.000 đồng của Công ty TNHH TM-DV Túc Hưng.

Công ty có thực hiện đối chiếu, xác nhận công nợ đối với khoản nợ phải thu (không bao gồm khoản hạch toán phải nộp ngân sách nhà nước) và thực hiện trích lập dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

2.3. Quản lý hàng tồn kho

Theo báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán) của Công ty, giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2021 là 64.589.149.193 đồng, trong đó:

- Nguyên vật liệu tồn kho giá trị 6.255.179.519 đồng, là giá trị các loại nguyên liệu, thức ăn cho đàn heo số tiền 5.638.395.231 đồng (chiếm 90%) và giá trị các loại nguyên, vật liệu khác như: thuốc thú y, nhiên liệu phục vụ sản xuất với số tiền 616.784.289 đồng (chiếm 10%).

Đây là giá trị nguyên vật liệu luân chuyển thường xuyên của Công ty phục vụ chăn nuôi được hạch toán, theo dõi trên sổ sách kế toán và thực hiện kiểm kê cuối năm theo quy định.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang số tiền 58.333.969.674 đồng là giá trị sản xuất đàn heo tại các trại chăn nuôi, gồm: Trại heo Tân An 25.625.510.482 đồng; Trại heo Suối Cao 12.922.500.799 đồng; Trại heo Xuân Thành 19.785.958.393 đồng.

Tại thời điểm cuối năm 2021 các bộ phận theo dõi có kiểm kê, đối chiếu giữa số lượng thực tế với sổ sách kế toán.

III. HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Việc hạch toán doanh thu và thu nhập khác

Tổng doanh thu và thu nhập khác theo Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) của Công ty năm 2021 là 319.563.982.849 đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	312.809.536.000
2	Doanh thu hoạt động tài chính	6.754.446.849
3	Thu nhập khác	0
	Tổng cộng	319.563.982.849

Theo báo cáo của Công ty: Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính tại Công ty trong năm 2021 từ hoạt động kinh doanh chăn nuôi heo thịt để bán; Doanh thu hoạt động tài chính từ khoản thu lãi tiền gửi ngân hàng và tiền cổ tức được chia.

2. Việc hạch toán chi phí

Tổng chi phí theo Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán) của Công ty là 248.288.597.984 đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Giá vốn hàng bán	236.953.560.616
2	Chi phí tài chính	(149.437.634)
3	Chi phí bán hàng	37.847.500
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.446.627.502
	Tổng cộng	248.288.597.984

3. Việc báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế theo Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty là 71.275.384.865 đồng (lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp 60.244.770.438 đồng).

Trong năm, Công ty đã trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số tiền 228.000.000 đồng. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối sau trích thù lao

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 60.016.770.438 đồng (60.244.770.438 đồng - 228.000.000 đồng).

4. Việc quản lý, sử dụng đất tại Công ty

*Theo báo cáo, Công ty đang sử dụng 09 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích đất 804.841,4 m²; diện tích nhà, công trình xây dựng 57.385,5 m². Trong đó:

- Nhà, đất được Nhà nước cho thuê: 06 cơ sở với tổng diện tích đất 254.046,6 m²; diện tích nhà, công trình xây dựng 26.793,5 m².

- Đất do Công ty nhận chuyển nhượng của các hộ gia đình, cá nhân: 02 cơ sở với tổng diện tích đất 465.902,50 m²; diện tích nhà, công trình do Công ty đầu tư xây dựng 18.120,0 m².

- Đất do Công ty thuê của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, trả tiền thuê đất 1 lần: 01 cơ sở với diện tích 84.892,3 m²; diện tích nhà, công trình do Công ty đầu tư xây dựng 12.472,0 m².

(Chi tiết theo phụ lục số 1)

*Việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ:

Ngày 20/8/2021 UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 2833/QĐ-UBND Về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai. Trong đó: Công ty đang quản lý, sử dụng 06 cơ sở nhà, đất với diện tích đất 254.046,6 m²; diện tích nhà 26.793,5 m². Phương án đã phê duyệt:

+ Công ty được giữ lại tiếp tục sử dụng 03 cơ sở nhà, đất với diện tích đất 208.151,1 m², diện tích nhà 26.306,0 m², gồm:

(1) Nhà, đất số 238 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa: Diện tích đất 16.867,7 m²; diện tích nhà 6.789,0 m². Hiện trạng sử dụng: Trụ sở Văn phòng Công ty, xưởng chế biến thức ăn gia súc.

(2) Trại chăn nuôi tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu: Diện tích đất 150.456,0 m²; diện tích nhà 16.385,0 m². Hiện trạng sử dụng: Trại chăn nuôi Tân An (lớn).

(3) Trại chăn nuôi tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu: Diện tích đất 40.827,4 m²; diện tích nhà 3.132,0 m². Hiện trạng sử dụng: Trại chăn nuôi Tân An (nhỏ).

+ Thu hồi 03 cơ sở nhà, đất Công ty được Nhà nước cho thuê với diện tích đất 45.895,5 m², diện tích nhà 487,5 m², gồm:

(1) Đất tại phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa: Diện tích đất 487,5 m², nhà 487,5 m². Hiện trạng không sử dụng, Công ty đề nghị Nhà nước thu hồi.

(2) Đất tại Ấp 5, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu: Diện tích đất 23.826,0 m². Hiện trạng không sử dụng, Công ty đề nghị Nhà nước thu hồi.

(3) Đất tại Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu: Diện tích đất 21.582,0 m². Hiện trạng không sử dụng, Công ty đề nghị Nhà nước thu hồi (UBND huyện Vĩnh Cửu đã cho xây dựng trường học tại khu đất trên).

Qua thanh tra thấy:

4.1. Công ty chưa nộp vào ngân sách nhà nước khoản chênh lệch thu cho thuê lại nhà, đất được Nhà nước cho Công ty thuê với số tiền 5.885.731.093 đồng.

*Theo báo cáo của Công ty: Số tiền thu cho thuê lại nhà, đất được Nhà nước cho Công ty thuê giai đoạn từ 01/01/2018 đến khi kết thúc cho thuê tháng 4/2020 (sau khi trừ chi phí phát sinh tương ứng) là 5.885.731.093 đồng, được Công ty hạch toán, theo dõi khoản phải nộp ngân sách. Trong đó:

- Số tiền được Kiểm toán Nhà nước tạm tính từ việc cho thuê chưa phù hợp quy định phải xử lý phát sinh từ 01/01/2018 đến 30/9/2019 là 4.506.952.769 đồng (Kiểm toán Nhà nước kiến nghị UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo cơ quan chức năng rà soát các lô đất cho thuê lại chưa đúng quy định hoặc sử dụng sai mục đích để tính toán, thu hồi nộp NSNN).

- Số phát sinh 3 tháng cuối năm 2019 và 4 tháng năm 2020 cho đến khi kết thúc việc cho thuê là 1.378.778.324 đồng (3 tháng năm 2019 số tiền 688.893.324 đồng và 4 tháng năm 2020 số tiền 689.885.000 đồng).

Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã có văn bản gửi Tổng công ty (Văn bản số 01/NSS ngày 06/01/2020) v/v thực hiện thông báo của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII và đề nghị Tổng công ty cho ý kiến chỉ đạo về thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Ngày 19/02/2020 Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đã có văn bản số 59/TCTCNTP-HĐTV gửi UBND tỉnh Đồng Nai V/v xử lý các khoản phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước...

Đến nay UBND tỉnh Đồng Nai chưa có chỉ đạo thực hiện nội dung kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty chưa có cơ sở thực hiện nộp ngân sách đối với khoản tạm tính nêu trên theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

*Quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 (có hiệu lực từ 01/01/2018) và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP:

- Về đối tượng thực hiện sắp xếp, xử lý nhà, đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP:

“b) Doanh nghiệp bao gồm: Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước); công ty cổ phần và Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi là công ty cổ phần).”

Tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP:

“b) Doanh nghiệp, bao gồm:

b1) Doanh nghiệp cấp I là Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty nhà nước, công ty độc lập do... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ... nắm giữ 100% vốn điều lệ; công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên do... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ... có vốn góp chiếm trên 50% vốn điều lệ;

Thao

b2) Doanh nghiệp cấp II là doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp cấp I quy định tại tiết b1 điểm này mà: tỷ lệ % vốn nhà nước tại doanh nghiệp cấp I nhân với (x) tỷ lệ % vốn góp của doanh nghiệp cấp I vào doanh nghiệp cấp II chiếm trên 50% vốn điều lệ;”

Căn cứ quy định nêu trên, Công ty có tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp cấp I (Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) chiếm 84,32% vốn điều lệ nên Công ty là doanh nghiệp cấp II (với tỷ lệ vốn góp $100\% \times 84,32\%$, chiếm trên 50% vốn điều lệ), thuộc đối tượng áp dụng quy định thực hiện sắp xếp, xử lý nhà, đất tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

Trước thời điểm Nghị định số 67/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì đối tượng áp dụng tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP không quy định doanh nghiệp cấp II như trường hợp của Công ty.

- Tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP quy định:

“4. Tỷ lệ vốn để xác định đối tượng thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này được xác định tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2018;...”

Áp dụng các quy định nêu trên, Công ty thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp, xử lý nhà đất, áp dụng từ thời điểm ngày 01/01/2018.

- Tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP quy định xử lý nhà, đất sử dụng không đúng quy định:

“4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc cho thuê, hợp tác, kinh doanh, liên doanh, liên kết không đúng quy định vào ngân sách trung ương (đối với nhà, đất thuộc trung ương quản lý), vào ngân sách địa phương (đối với nhà, đất thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”

Căn cứ quy định trên, khoản thu từ việc cho thuê, hợp tác, kinh doanh đối với nhà, đất được Nhà nước cho thuê (sau khi trừ chi phí phát sinh tương ứng) số tiền 5.885.731.093 đồng Công ty phải nộp vào ngân sách nhà nước.

4.2. Công ty chưa hoàn thành việc bàn giao lại 03 cơ sở nhà, đất được Nhà nước cho thuê vào mục đích sản xuất kinh doanh nhưng hiện không sử dụng với tổng diện tích đất 45.895,5 m², diện tích nhà 487,5m², cụ thể:

- Theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/8/2021, trong đó phê duyệt thu hồi 03 cơ sở nhà đất Công ty được Nhà nước cho thuê với tổng diện tích đất 45.895,5 m².

Đến thời điểm thanh tra (ngày 13/5/2022), Công ty chưa hoàn thành việc bàn giao lại các cơ sở nhà, đất trên cho cơ quan chức năng tỉnh Đồng Nai, hiện trạng các khu đất trên được bỏ trống.

Tại điểm d khoản 19 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 Quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công quy định:

“d) Nhà, đất đã được phê duyệt phương án chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý nhưng chưa hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản. Việc quản lý, xử lý nhà, đất sau khi nhận chuyển giao thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này.”

*Báo cáo của Công ty, đối với việc chưa hoàn thành bàn giao lại các cơ sở nhà, đất trên cho cơ quan chức năng tỉnh Đồng Nai: Mặc dù Công ty đã nhiều lần gửi Văn bản đề nghị thu hồi, gồm:

- Văn bản số 20/NSSĐN ngày 17/10/2019 “V/v đề nghị trả lại 03 lô đất cho Ban Chỉ Đạo 167 tỉnh Đồng Nai” gửi Ban Chỉ Đạo 167 tỉnh Đồng Nai và Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai;

- Văn bản số 30/NSSĐN ngày 29/10/2021 “V/v đề nghị sớm thu hồi 03 cơ sở đất tại Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai theo Quyết định 2833/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai” gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai.

- Văn bản số 11/NSSĐN ngày 18/5/2022 “V/v đề nghị thu hồi, thanh lý Hợp đồng thuê đất và không thu tiền thuê đất 03 cơ sở đất tại Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai để phục vụ bàn giao đất cho Nhà nước” gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

Đến ngày 30/5/2021, Công ty vẫn chưa được cơ quan chức năng tỉnh Đồng Nai thực hiện các thủ tục thu hồi lại các cơ sở nhà, đất nêu trên. Công ty đã đề Cục Thuế Đồng Nai đề nghị không tính tiền thuê đất với các cơ sở nhà, đất trên nhưng vẫn chưa được cơ quan Thuế chấp nhận.

Tiền thuê đất phát sinh từ khi không sử dụng đến hết năm 2021 của 03 cơ sở nhà, đất nêu trên đã được Công ty nộp vào Ngân sách nhà nước và hạch toán vào chi phí với số tiền 428.567.184 đồng (năm 2021 là 193.191.000 đồng; phát sinh các năm trước 235.376.184 đồng).

5. Việc thực hiện các dự án đầu tư

Tại thời điểm thanh tra, Công ty không thực hiện dự án đầu tư.

6. Việc thực hiện thoái vốn của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tại Công ty

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về Danh mục sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn của doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai năm 2020, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai trong năm 2020.

Theo báo cáo của Công ty: đến tháng 5/2022 Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai chưa thoái được vốn tại Công ty theo kế hoạch thoái vốn

Thao

được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định nêu trên. Vốn góp của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tại Công ty vẫn giữ nguyên so với thời điểm phê duyệt kế hoạch thoái vốn tháng 5/2020 là 86.541.420.000 đồng, chiếm tỷ lệ 84,32% vốn điều lệ.

7. Việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Công ty không thực hiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN

1. Tình hình tự kê khai, tự nộp thuế của doanh nghiệp

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
Thuế TNDN	4.271.969.596	11.030.614.427	13.271.969.596	2.030.614.427
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	5.339.175.525	5.339.175.525	0
Thuế TNCN	366.418.855	1.775.781.385	2.041.831.622	100.368.618
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp kh	0	3.000.000	3.000.000	0
Tổng cộng	4.638.388.451	18.148.571.337	20.655.976.743	2.130.983.045

Thực hiện nghĩa vụ với NSNN, các khoản thuế phải nộp cuối năm 2021 Công ty đã thực hiện nộp trong đầu năm 2022 với số tiền theo đúng số phải nộp 2.130.983.045 đồng.

2. Kết quả thanh tra

Công ty thực hiện kê khai và nộp vào NSNN số tiền 5.885.731.093 đồng từ việc cho thuê lại nhà, đất được Nhà nước cho Công ty thuê (nêu tại khoản 4, Mục III, Phần B của Biên bản thanh tra).

Do điều kiện về thời gian, nhân lực, Đoàn thanh tra làm việc tại Văn phòng Công ty, không làm việc tại các chi nhánh, cơ sở sản xuất kinh doanh của Công ty; không kiểm tra chi tiết các hóa đơn chứng từ; không kiểm tra, kiểm kê hàng hóa, nguyên liệu, thành phẩm, chi phí sản xuất dở dang của Công ty.

C. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả thanh tra nêu trên, Đoàn thanh tra đề xuất Chánh Thanh tra Bộ Tài chính kiến nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Nông sản Đồng Nai một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện đối chiếu, xác nhận đầy đủ nợ phải thu, nợ phải trả và có biện pháp trong việc đôn đốc thu hồi, xử lý các khoản nợ phải thu, đặc biệt là các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh (nêu tại điểm 2.3, Khoản 2, Mục II, Phần B của Biên bản thanh tra).

Phan

2. Báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai và các cơ quan chức năng của Tỉnh để bàn giao lại 03 khu đất không sử dụng, với tổng diện tích 45.895,5 m², đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt thu hồi trong phương án sắp xếp, xử lý nhà đất tại Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 (nêu tại điểm 4.2, khoản 4, Mục III, Phần B của Biên bản thanh tra).

3. Thực hiện kê khai và nộp vào Ngân sách Nhà nước (Tài khoản tạm giữ của Thanh tra Bộ Tài chính số 3941.0.9063227.00000 mở tại Sở giao dịch - Kho bạc Nhà nước, địa chỉ: số 32 Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) qua thanh tra nộp bổ sung vào NSNN số tiền 5.885.731.093 đồng.

4. Tích cực phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện chủ trương thoái vốn của Nhà nước tại Công ty theo quy định.

5. Chỉ đạo chấn chỉnh khắc phục các tồn tại, hạn chế đã phát hiện qua công tác thanh tra; thực hiện xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến các tồn tại, hạn chế đã nêu trong Biên bản thanh tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Biên bản thanh tra này là cơ sở cho việc lập Kết luận thanh tra tại Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH. Biên bản thanh tra gồm 16 trang, có nội dung và giá trị như nhau, được lập thành 06 bản: Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai giữ 01 bản, Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH giữ 01 bản, Đoàn thanh tra Bộ Tài chính giữ 04 bản. / *ĐƠN*

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN ĐỒNG NAI

ĐOÀN THANH TRA

Giám đốc

Kế toán trưởng

Trưởng đoàn



Nguyễn Điện Tường

Đinh Ngọc Mên

Lê Hồng Châu

BẢNG KÊ CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT ĐANG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG (Đến 31/12/2021)
Đơn vị: Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai

Stt	Nội dung	Địa chỉ nhà, đất	Hợp đồng thuê số, ngày	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà, CTXD (m2)	Ghi chú
A	Đất thuê của Nhà nước					
I	Cơ sở nhà, đất đang sử dụng					
1	Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, xã Tân An, H. Vĩnh Cửu	32/HĐTD 06/07/2013	150.456,0	16.385,0	
2			32/HĐTD 06/07/2013	40.827,4	3.132,0	
3	Xưởng chế biến thực phẩm + VP công ty	238 Nguyễn Ai Quốc, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa.	76/HĐTD 31/12/2009	16.867,70	6.789,0	
II	Cơ sở nhà, đất không sử dụng					
4	Trại heo giống Vĩnh Cửu	Tổ 11, Ấp 1, xã Thạnh Phú, H. Vĩnh Cửu	74/HĐTD 31/12/2009	21.582,0		Từ 1/2016 không SD - đề nghị thu hồi
5	Trại heo thịt thương phẩm Thạnh Phú	Tổ 8, Ấp 5, xã Thạnh Phú, H. Vĩnh Cửu	75/HĐTD 31/12/2009	23.826,0		Từ 1/2017 không SD - đề nghị thu hồi
6	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm Dolico	Số 34 Nguyễn Ai Quốc, P. Tân Tiến, Biên Hòa.	77/HĐTD 31/12/2009	487,5	487,5	Từ 11/2019 không SD - đề nghị thu hồi
B	Đất Công ty thuê của DN, nhân chuyển nhượng					
1	Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3, Ấp Tân Hợp, xã Xuân Thành, Xuân Lộc	10/HĐTLĐ/2014 08/3/2014	550.794,8	30.592,0	Đất thuê của Tổng Cty CNTP Đồng Nai
2	Trại heo Dolico Xuân Thành	Ấp Tân Hữu, xã Xuân Thành, H. Xuân Lộc	Có Giấy CN QSD đất	235.947,5	1.209,0	Đất công ty mua sau khi cổ phần hóa
3	Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phương Vĩ, xã Suối Cao, H. Xuân Lộc	Có Giấy CN QSD đất	229.955,0	16.911,0	Đất công ty mua sau khi cổ phần hóa
	Tổng (A+B)			804.841,4	57.385,5	



Handwritten signature